

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Đình
2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu, kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 153/5, ấp 5, xã Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Văn Duy Th, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 103/1, ấp B, xã Ph, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Bà và ông Võ Văn Duy Th chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh L vào ngày 28/5/2014. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ ngày 24/4/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn Duy Th.

Về nuôi con chung: Bà và ông Th có với nhau một người con chung tên Võ Ngọc Trân Ch sinh ngày 26/4/2014, hiện nay con chung do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Võ Văn Duy Th là bị đơn trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2022: Trước yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm L, ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với vợ, mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có người con chung như bà L trình bày. Trường hợp phải ly hôn thì, ông tạm thời giao con chung cho bà Linh nuôi dưỡng trong thời gian ông chấp hành án. Khi chấp hành án xong ông sẽ trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà L, giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Duy Th, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Võ Văn Duy Th cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Võ Văn Duy Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt vì đang chấp hành án tại trại giam Th. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Võ Văn Duy Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C,

tỉnh L vào ngày 28/5/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Bà L trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau.

Xét thấy, ông Th không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi bà L cương quyết muốn ly hôn và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; ông Thức đang chấp hành án tại trại giam Th nên vợ chồng có thời gian xa cách, không thể cùng quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn với ông Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về nuôi con chung: Bà L và ông Th có một người con chung tên Võ Ngọc Trân Ch sinh ngày 26/4/2014.

Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện tại con chung do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Th cũng đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian ông chấp hành án. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của con chung là được sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao con chung tên Võ Ngọc Trân Ch cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà L không yêu cầu ông Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Võ Văn Duy Th.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Võ Ngọc Trân Ch sinh ngày 26/4/2014 cho bà Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Võ Văn Duy Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0008062 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Ph, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy